

PHÒNG THI CAO HỌC
Học kỳ 2 năm 2013-2014

Ca 1: 7h00' - 9h00'; Ca 2: 9h30' - 11h30'; Ca 3 : 13h00' - 15h00'; Ca 4 : 15h30' - 17h30'

TT	LỚP	KHÓA	SS	MÔN THI	NGÀY THI	CA	PHÒNG THI
58	CH. Kinh tế XD B	21.1	64	QL đầu tư và XD giao thông	29/04/2014	3	301 A7
41	CH. Quản trị kinh doanh	21.1	68	Quản trị Marketing	29/04/2014	4	102 A2
51	CH. Kinh tế XD A	21.1	64	TCSX trong XD và SC CT giao thông	29/04/2014	4	303 A7
5	CH. Tổ chức và QLVT (Đbộ & TP + Đ/Sắt)	21.1	29	Triết học	29/04/2014	2	108 A5
16	CH. XD đường sắt	21.1	7	Triết học	29/04/2014	2	108 A5
24	CH. XD sân bay	21.1	23	Triết học	29/04/2014	2	108 A5
30	CH. Kỹ thuật hạ tầng đô thị	21.1	26	Triết học	29/04/2014	2	108 A5
114	CH. Kỹ thuật HT đô thị	21.2	5	Triết học	29/04/2014	2	108 A5
125	CH. XD đường sắt	21.2	6	Triết học	29/04/2014	2	108 A5
133	CH. XD sân bay	21.2	8	Triết học	29/04/2014	2	108 A5
81	CH. Kỹ thuật điện tử	21.1	7	Triết học	29/04/2014	3	108 A5
90	CH. Kỹ thuật ô tô, máy kéo	21.1	31	Triết học	29/04/2014	3	108 A5
98	CH. Máy XD - xếp dỡ	21.1	3	Triết học	29/04/2014	3	108 A5
104	CH. Tự động hóa	21.1	22	Triết học	29/04/2014	3	108 A5
146	CH. Kỹ thuật điện tử	21.2	7	Triết học	29/04/2014	3	108 A5
153	CH. Kỹ thuật đầu máy toa xe lửa, toa xe	21.2	8	Triết học	29/04/2014	3	108 A5
166	CH. Kỹ thuật ô tô, máy kéo	21.2	14	Triết học	29/04/2014	3	108 A5
174	CH. Máy XD - xếp dỡ	21.2	8	Triết học	29/04/2014	3	108 A5
180	CH. Tự động hóa	21.2	7	Triết học	29/04/2014	3	108 A5
105	CH. Tự động hóa	21.1	22	Điều khiển và ĐH robot	06/05/2014	3	207 A3
181	CH. Tự động hóa	21.2	7	Điều khiển và động học robot	06/05/2014	3	207 A3
82	CH. Kỹ thuật điện tử	21.1	7	Thiết kế mạng tích hợp	06/05/2014	4	207 A3
147	CH. Kỹ thuật điện tử	21.2	7	TK mạch tích hợp	06/05/2014	4	207 A3
78	CH. Kỹ thuật viễn thông	21.1	25	An ninh trong HTTT di động	07/05/2014	4	208 A3
143	CH. Kỹ thuật viễn thông	21.2	19	An ninh trong HTTT di động	07/05/2014	4	208 A3
92	CH. Kỹ thuật ô tô, máy kéo	21.1	31	HT TĐ điều khiển và chẩn đoán trên ĐC ĐT	07/05/2014	3	301 A3
168	CH. Kỹ thuật ô tô, máy kéo	21.2	14	HT tự động ĐK và chẩn đoán trên ĐC đốt trong	07/05/2014	3	301 A3
60	CH. Kinh tế XD B	21.1	64	Kiểm toán và PT KT	07/05/2014	4	301 A3

100	CH. Máy XD - xếp dỡ	21.1	3	PP luận nghiên cứu KH	07/05/2014	3	207 A3
155	CH. Kỹ thuật đầu máy toa xe lửa, toa xe	21.2	8	PP luận nghiên cứu KH	07/05/2014	3	207 A3
176	CH. Máy XD - xếp dỡ	21.2	8	PP luận nghiên cứu KH	07/05/2014	3	207 A3
61	CH. XD đường ô tô và đường TP A	21.1	116	QH, KT và tổ chức GT	07/05/2014	4	303 A7
53	CH. Kinh tế XD A	21.1	64	QL thực hiện dự án đầu tư	07/05/2014	3	401 A7
7	CH.TỔ chức và QLVT (Đbộ &TP + Đ/Sắt)	21.1	29	QLTT trong DN vận tải	07/05/2014	3	405 A3
9	CH.TỔ chức và QLVT (Đbộ &TP + Đ/Sắt)	21.1	29	TC và QL SX kinh doanh ĐS	07/05/2014	4	405 A3
18	CH. XD đường sắt	21.1	7	Thiết kế ĐS thứ hai	07/05/2014	3	406 A3
127	CH. XD đường sắt	21.2	6	Thiết kế đường sắt thứ hai	07/05/2014	3	406 A3
32	CH. Kỹ thuật hạ tầng đô thị	21.1	26	TK cầu hầm đô thị nâng cao	07/05/2014	4	406 A3
116	CH. Kỹ thuật HT đô thị	21.2	5	TK cầu hầm đô thị nâng cao	07/05/2014	4	406 A3
135	CH. XD sân bay	21.2	8	TK và CN XD MĐ BT XM đường ô tô và SB	07/05/2014	3	305 A3
26	CH. XD sân bay	21.1	23	TK và CNXD MĐ, NĐ BTXM đường oto và SB	07/05/2014	3	305 A3
43	CH. Quản trị kinh doanh	21.1	68	Triết học	07/05/2014	4	102 A2
73	CH. Công nghệ thông tin	21.1	47	Quản trị dự án phần mềm	08/05/2014	4	208 A3
59	CH. Kinh tế XD B	21.1	64	QL thực hiện dự án ĐT	10/05/2014	2	301 A7
106	CH. Tự động hóa	21.1	22	Các hệ thống tự động hóa SX	10/05/2014	3	302 A7
182	CH. Tự động hóa	21.2	7	Các hệ thống tự động hóa SX	10/05/2014	3	302 A7
128	CH. XD đường sắt	21.2	6	Cấu tạo và TT kết cấu ĐS không đá	10/05/2014	4	105 A5
62	CH. XD đường ô tô và đường TP A	21.1	116	CN mới trong XD mặt đường	10/05/2014	4	301 A7
101	CH. Máy XD - xếp dỡ	21.1	3	Công nghệ CAD/CAM/CAE	10/05/2014	4	302 A7
177	CH. Máy XD - xếp dỡ	21.2	8	Công nghệ CAD/CAM/CAE	10/05/2014	4	302 A7
19	CH. XD đường sắt	21.1	7	CT và TT KC ĐS không đá	10/05/2014	4	105 A5
54	CH. Kinh tế XD A	21.1	64	Kiểm toán và phân tích kinh tế	10/05/2014	3	303 A7
93	CH. Kỹ thuật ô tô, máy kéo	21.1	31	Ma sát, mòn và bôi trơn trong máy móc	10/05/2014	4	303 A7
156	CH. Kỹ thuật đầu máy toa xe lửa, toa xe	21.2	8	Ma sát, mòn và bôi trơn trong máy móc	10/05/2014	4	303 A7
169	CH. Kỹ thuật ô tô, máy kéo	21.2	14	Ma sát, mòn và bôi trơn trong máy móc	10/05/2014	4	303 A7
12	CH.TỔ chức và QLVT (Đbộ &TP + Đ/Sắt)	21.1	29	Marketing trong VT ĐS	10/05/2014	2	301 A5
79	CH. Kỹ thuật viễn thông	21.1	25	Phân tích và TK anten	10/05/2014	4	302 A5
144	CH. Kỹ thuật viễn thông	21.2	19	Phân tích và TK anten	10/05/2014	4	302 A5
33	CH. Kỹ thuật hạ tầng đô thị	21.1	26	QH các HT hạ tầng KT đô thị	10/05/2014	3	303 A5
117	CH. Kỹ thuật HT đô thị	21.2	5	QH các HT hạ tầng KT đô thị	10/05/2014	3	303 A5
10	CH.TỔ chức và QLVT (Đbộ &TP + Đ/Sắt)	21.1	29	QH GT vận tải ĐT	10/05/2014	2	302 A5
27	CH. XD sân bay	21.1	23	QL, ĐG, duy tu SC công trình hàng không	10/05/2014	4	303 A5
136	CH. XD sân bay	21.2	8	QL, ĐG, duy tu SC công trình hàng không	10/05/2014	4	303 A5

44	CH. Quản trị kinh doanh	21.1	68	Quản trị dự án	10/05/2014	4	301 A5
83	CH. Kỹ thuật điện tử	21.1	7	Xử lý song song	10/05/2014	2	303 A5
148	CH. Kỹ thuật điện tử	21.2	7	Xử lý song song	10/05/2014	2	303 A5
52	CH. Kinh tế XD A	21.1	64	Công nghệ hiện đại trong XD đường ô tô	14/05/2014	3	301 A7
72	CH. Công nghệ thông tin	21.1	47	Khai phá dữ liệu	14/05/2014	4	301 A7
28	CH. XD sân bay	21.1	23	Các công nghệ VL tiến bộ trong XD SB - cảng HK	14/05/2014	3	208 A3
137	CH. XD sân bay	21.2	8	Các công nghệ VL tiến bộ trong XD SB - cảng HK	14/05/2014	3	208 A3
84	CH. Kỹ thuật điện tử	21.1	7	Các hệ thống thời gian thực	14/05/2014	3	207 A3
149	CH. Kỹ thuật điện tử	21.2	7	Các hệ thống thời gian thực	14/05/2014	3	207 A3
11	CH.Tổ chức và QLVT (Đbộ &TP + Đ/Sắt)	21.1	29	CL sản xuất KD vận tải	14/05/2014	3	211 A3
13	CH.Tổ chức và QLVT (Đbộ &TP + Đ/Sắt)	21.1	29	CL sản xuất KD vận tải ĐS	14/05/2014	4	211 A3
63	CH. XD đường ô tô và đường TP A	21.1	116	CN mới trong XD nền đường	14/05/2014	4	303 A7
170	CH. Kỹ thuật ô tô, máy kéo	21.2	14	Động cơ ô tô nâng cao	14/05/2014	4	208 A3
94	CH. Kỹ thuật ô tô, máy kéo	21.1	31	Động cơ ô tô nâng cao	14/05/2014	4	208 A3
157	CH. Kỹ thuật đầu máy toa xe lửa, toa xe	21.2	8	Động lực học đoàn tàu nâng cao	14/05/2014		Bộ môn
80	CH. Kỹ thuật viễn thông	21.1	25	Mạng thế hệ sau và DV	14/05/2014	3	301 A3
145	CH. Kỹ thuật viễn thông	21.2	19	Mạng thế hệ sau và DV	14/05/2014	3	301 A3
107	CH. Tự động hóa	21.1	22	QL chất lượng và DA	14/05/2014	4	301 A3
183	CH. Tự động hóa	21.2	7	Quản lý chất lượng và dự án	14/05/2014	4	301 A3
45	CH. Quản trị kinh doanh	21.1	68	Quản trị công nghệ	14/05/2014	3	303 A7
34	CH. Kỹ thuật hạ tầng đô thị	21.1	26	Thoát nước đô thị	14/05/2014	4	302 A3
118	CH. Kỹ thuật HT đô thị	21.2	5	Thoát nước đô thị	14/05/2014	4	302 A3
20	CH. XD đường sắt	21.1	7	TN trong XD ĐS và PP XL KQTN	14/05/2014	3	302 A3
129	CH. XD đường sắt	21.2	6	TN trong XD ĐS và PP XL KQTN	14/05/2014	3	302 A3
102	CH. Máy XD - xếp dỡ	21.1	3	Truyền động TL trên máy XD	14/05/2014	3	504 A3
178	CH. Máy XD - xếp dỡ	21.2	8	Truyền động TL trên máy XD	14/05/2014	3	504 A3
6	CH.Tổ chức và QLVT (Đbộ &TP + Đ/Sắt)	21.1	29	Điều tra KTKT và dự báo trong VT	17/05/2014	4	302 A5
142	CH. Kỹ thuật viễn thông	21.2	19	Mã hóa và XL ảnh	17/05/2014	4	301 A5
77	CH. Kỹ thuật viễn thông	21.1	25	Ma hóa và xử lý ảnh	17/05/2014	4	301 A5
8	CH.Tổ chức và QLVT (Đbộ &TP + Đ/Sắt)	21.1	29	Tổ chức công tác LV ĐS QT	17/05/2014	3	302 A5
103	CH. Máy XD - xếp dỡ	21.1	3	AH MT KT đến DB và tuổi thọ MXD-XD	17/05/2014	4	207 A3
179	CH. Máy XD - xếp dỡ	21.2	8	AH MT KT đến DB và tuổi thọ MXD-XD	17/05/2014	4	207 A3
95	CH. Kỹ thuật ô tô, máy kéo	21.1	31	Các hệ thống ĐK bằng MT trên ô tô	17/05/2014	1	208 A3
171	CH. Kỹ thuật ô tô, máy kéo	21.2	14	Các hệ thống ĐK bằng MT trên ô tô	17/05/2014	1	208 A3
111	CH. Tự động hóa	21.1	22	Điều khiển thông minh	17/05/2014	2	208 A3

184	CH. Tự động hóa	21.2	7	Điều khiển thông minh	17/05/2014	2	208 A3
85	CH. Kỹ thuật điện tử	21.1	7	Giao tiếp âm thanh người máy	17/05/2014	3	211 A3
150	CH. Kỹ thuật điện tử	21.2	7	Giao tiếp âm thanh người máy	17/05/2014	3	211 A3
158	CH. Kỹ thuật đầu máy toa xe lửa, toa xe	21.2	8	Hãm đoàn tàu nâng cao	17/05/2014		BỘ môn
108	CH. Tự động hóa	21.1	22	Hệ thống ĐK giao thông thành phố	17/05/2014	4	211 A3
64	CH. XD đường ô tô và đường TP A	21.1	116	Kiểm định, đánh giá CL CT đường ô tô	17/05/2014	3	303 A7
187	CH. Công nghệ thông tin	21.2	29	NL các ngôn ngữ lập trình	17/05/2014	2	207 A3
21	CH. XD đường sắt	21.1	7	NL tính toán nền ĐS tốc độ cao	17/05/2014	1	207 A3
130	CH. XD đường sắt	21.2	6	NL tính toán nền ĐS tốc độ cao	17/05/2014	1	207 A3
35	CH. Kỹ thuật hạ tầng đô thị	21.1	26	QH đô thị nâng cao	17/05/2014	3	208 A3
119	CH. Kỹ thuật HT đô thị	21.2	5	QH đô thị nâng cao	17/05/2014	3	208 A3
46	CH. Quản trị kinh doanh	21.1	68	Quản trị rủi ro trong KD	17/05/2014	4	208 A3
138	CH. XD sân bay	21.2	8	TC thi công và QL XD SB	17/05/2014	2	501 A3
29	CH. XD sân bay	21.1	23	TCTC và QL XD sân bay	17/05/2014	2	501 A3

264

265

266

267

268

269

270

271

272

273

274

275

276

277

278

279

280

281

282

283

284

285
286
287
288
289
290
291
292
293
294
295
296
297
298
299
300
301
302
303
304
305
306
307
308
309
310
311
312
313
314
315
316
317
318
319

320
321
322
323
324
325
326
327
328
329
330
331
332
333
334
335
336
337
338
339
340
341
342
343
344
345
346
347
348
349
350
351
352
353
354

355
356
357
358
359
360
361
362
363
364
365
366
367
368
369
370
371
372
373
374
375
376
377
378
379
380
381
382
383
384
385
386
387
388
389

390
391
392
393
394
395
396
397
398
399
400
401
402
403
404
405
406
407
408
409
410
411
412
413
414
415
416
417
418
419
420
421
422
423
424

425
426
427
428
429
430
431
432
433
434
435
436
437
438
439
440
441
442
443
444
445
446
447
448
449
450
451
452
453
454
455
456
457
458
459

460
461
462
463
464
465
466
467
468
469
470
471
472
473

